

A. KHÁI QUÁT

NỀN KINH TẾ – XÃ HỘI THẾ GIỚI

Bài 1

SỰ TƯƠNG PHẢN VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC

I. MỤC TIÊU

Sau bài học, HS cần :

1. Kiến thức

– Biết được sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các nhóm nước phát triển, đang phát triển, nước và lãnh thổ công nghiệp mới.

– Giải thích được sự đa dạng của trình độ phát triển nền kinh tế – xã hội thế giới, vấn đề đầu tư ra nước ngoài, nợ nước ngoài và GDP/người của các nước phát triển, đang phát triển, nước và vùng lãnh thổ công nghiệp mới.

2. Kỹ năng

– Nhận xét sự phân bố các nước theo mức GDP bình quân đầu người trên lược đồ trong SGK.

– Phân tích các bảng số liệu trong SGK.

3. Thái độ

Liên hệ thực tế đất nước và suy nghĩ về hướng phát triển kinh tế – xã hội của nước ta.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

– Phóng to các bảng 1.1, 1.2 trong SGK (nếu có điều kiện).

– Bản đồ Các nước trên thế giới.

III. TRỌNG TÂM BÀI

- Sự tương phản của nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển về tổng thu nhập quốc gia, tỉ trọng của GDP theo khu vực kinh tế.
- Một số nét chủ yếu về đầu tư ra nước ngoài, nợ nước ngoài và một số khía cạnh xã hội ở hai nhóm nước.
- Sự phân hoá trình độ phát triển kinh tế – xã hội trong nhóm nước đang phát triển.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Mục I. Sự phân chia thành các nhóm nước

Hoạt động 1 : Tìm hiểu sự phân chia thế giới thành các nhóm nước

GV yêu cầu HS tự đọc mục I trong SGK để có những kiến thức khái quát về các nhóm nước. Sau đó, HS làm việc theo nhóm cặp đôi quan sát hình 1 và trả lời câu hỏi kèm theo hình ở SGK.

Mục II. Sự tương phản về kinh tế của các nhóm nước

Hoạt động 2 : Tìm hiểu sự tương phản về kinh tế của các nhóm nước

– GV chia lớp thành các nhóm nhỏ và đánh số nhóm theo thứ tự 1, 2, 3, 4,... Giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm.

+ Các nhóm số lẻ : Làm việc với bảng 1.1, trả lời câu hỏi kèm theo.

+ Các nhóm số chẵn : Làm việc với bảng 1.2, trả lời câu hỏi kèm theo.

+ Đại diện từng nhóm lần lượt trình bày kết quả làm việc của nhóm, các nhóm khác bổ sung, GV nhận xét và kết luận để thấy rõ sự tương phản của các nước về tỉ trọng GDP và cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của hai nhóm nước.

– GV cho HS tự đọc nội dung kiến thức ở đoạn cuối ý 1 trong SGK để tìm đặc điểm nổi bật về kinh tế của các nước và lãnh thổ công nghiệp mới. Đó là những nước và vùng lãnh thổ đã có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế với sự phát triển nhanh vượt bậc của quá trình công nghiệp hoá, hướng về xuất khẩu. Nhiều sản phẩm công nghiệp có khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới. Khu vực dịch vụ phát triển nhanh. Đồng thời, nhấn mạnh các nước đang phát triển trong cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI đã có sự tập trung đầu tư vào khu vực II và khu III, tạo ra sự tăng trưởng rõ rệt ở hai khu vực này.

– GV cho HS tìm hiểu về đầu tư ra nước ngoài và nợ nước ngoài, yêu cầu HS đọc SGK và phân tích bảng 1.3 để rút ra nhận xét.

Mục III. Sự tương phản về một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước

Hoạt động 3 : Tìm hiểu sự tương phản về một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.

Các nhóm cặp đôi tiếp tục phân tích bảng 1.4 và đọc thông tin kiến thức trong SGK, để trả lời câu hỏi kèm theo.

V. THÔNG TIN

NGUYÊN NHÂN NHỮNG NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN CHUYỂN THÀNH NƯỚC CÔNG NGHIỆP MỚI

- Tăng cường đầu tư phát triển công nghiệp và dịch vụ.
- Thực hiện chiến lược công nghiệp hoá hướng vào xuất khẩu.
- Khai thác tối đa mọi lợi thế để thực hiện chiến lược tăng trưởng.
- Tích cực tạo vốn đầu tư, thông qua nguồn viện trợ nước ngoài, hoặc đi vay, kêu gọi nước ngoài đầu tư, đi đôi với sử dụng nguồn vốn tích lũy trong nước.

KHÁI QUÁT VỀ MỘT SỐ NỀN KINH TẾ TĂNG TRƯỞNG NHANH Ở CHÂU Á

- Đài Loan : tăng trưởng nhanh nhờ phát triển công nghiệp nhỏ và vừa. Các giai đoạn phát triển của Đài Loan có thể khái quát như sau :

+ Giai đoạn tiền cất cánh : Vào thập niên 60, Đài Loan tiến hành công nghiệp hoá hướng vào xuất khẩu, tập trung phát triển công nghiệp nhẹ, lắp ráp, sử dụng nhiều lao động với quy mô sản xuất nhỏ và vừa.

+ Giai đoạn cất cánh : Vào thập niên 70, Đài Loan tiến hành xây dựng công nghiệp nặng, tập trung vào ngành hoá chất, luyện thép, hoá dầu, đóng tàu,...

+ Giai đoạn trưởng thành : Vào thập niên 80, Đài Loan chú trọng xuất khẩu các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao, tăng đầu tư ra nước ngoài. Vào thập niên 90, Đài Loan tiếp tục vươn lên bằng những ngành sử dụng công nghệ mũi nhọn như viễn thông, thông tin, tự động hoá,...

- Hàn Quốc : Từ năm 1967 đến năm 1971, Hàn Quốc thực hiện chiến lược hướng vào xuất khẩu, từ năm 1972 đến năm 1976 đã có năng lực mạnh về công nghiệp (đóng tàu, ô tô, hoá dầu, luyện thép) dựa trên hàm lượng cao về khoa học và công nghệ. Một trong những nguyên nhân quan trọng để đạt được những thành tựu trên là Hàn Quốc đã nỗ lực đầu tư rất lớn, thậm chí chấp nhận vay nợ để đầu tư. Mặt khác, vai trò của xuất khẩu, của các tổ hợp công nghiệp - ngoại thương lớn cũng

rất quan trọng cho quá trình đầu tư. Ngoài ra, chính phủ có một vai trò rất lớn trong chiến lược phát triển của Hàn Quốc. Nhà nước hỗ trợ nhiều trong giai đoạn đầu, đặc biệt ở việc lập kế hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng và dịch vụ cơ bản.

– Xin-ga-po : một trung tâm công nghệ cao, một khu tái xuất khổng lồ, một quốc gia xanh, sạch, đẹp vào bậc nhất thế giới và giàu có. Cơ cấu kinh tế của Xin-ga-po chỉ có hai ngành chính : công nghiệp và dịch vụ. Thập niên 80, Xin-ga-po đã tiếp nhận nhiều công nghệ cao trong luyện kim, hàng không, quang học, tự động hoá, điện tử hoá, hoá dầu. Trong dịch vụ, ngành tài chính rất phát triển (có 70 trong số 100 ngân hàng lớn nhất thế giới đặt chi nhánh tại Xin-ga-po). Xuất khẩu là lĩnh vực phát triển mạnh ở Xin-ga-po.

– Hồng Công đã thực hiện chiến lược công nghiệp hoá bắt đầu từ công nghiệp nhẹ (sản phẩm đa dạng, chất lượng tốt, giá rẻ, chiếm lĩnh được thị trường thế giới). Hồng Công thực hiện mức thu thuế thấp nhất thế giới. Trong cơ cấu kinh tế chỉ có hai ngành : công nghiệp và dịch vụ. Thực hiện tái xuất khẩu mạnh.

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ – XÃ HỘI CỦA CÁC NƯỚC PHÁT TRIỂN

Các nước phát triển đã tiến hành công nghiệp hoá khá sớm như Anh (cuối thế kỉ XVIII) ; Pháp, Đức, I-ta-li-a và nhiều nước Tây Âu khác, Hoa Kỳ, Ca-na-đa (thế kỉ XIX) ; Nhật Bản (đầu thế kỉ XX).

Các nước phát triển hầu hết đều có tiềm lực lớn về kinh tế, khoa học – kĩ thuật, nguồn vốn, cơ sở vật chất kĩ thuật, kết cấu hạ tầng. Các nước này có nhiều trung tâm thương mại, ngân hàng, tài chính, hệ thống bảo hiểm. Mạng lưới giao thông vận tải, thông tin liên lạc dày đặc,...

Cơ cấu kinh tế của các nước phát triển có sự chuyển đổi theo hướng tăng nhanh các ngành và nhóm ngành có hiệu quả kinh tế cao. Các ngành thuộc khu vực I giảm dần tỉ trọng, hiện chỉ còn chiếm khoảng từ 1 - 4% nguồn lao động. Các ngành thuộc khu vực II, nhất là các ngành công nghiệp mới có hàm lượng công nghệ cao, phát triển nhanh. Đặc biệt các ngành thuộc khu vực III phát triển rất nhanh, chiếm tỉ trọng chủ yếu trong GDP và thu hút nhiều lao động.

Các công ti xuyên quốc gia lớn trên thế giới phần lớn là của các nước phát triển. Các công ti này có sức cạnh tranh ở cả trong nước và quốc tế, có thể mạnh chi phối hoạt động của chính phủ các nước. Trong số đó, có các công ti nổi tiếng như : Boeing, Ford, General Motors (Hoa Kỳ), Sanyo, Toyota, Hitachi, Mitsubishi (Nhật Bản), Mercedes (Đức),...

Sản xuất nông nghiệp được tổ chức theo hình thức trang trại, quy mô ruộng đất lớn, trình độ chuyên môn hoá, cơ giới hoá, công nghệ hoá cao, sử dụng lực lượng lao động ít, năng suất cao, sản phẩm có chất lượng tốt. Trong sản xuất nông nghiệp, ngành chăn nuôi thường có giá trị cao hơn trồng trọt. Chính phủ thường có chính sách bảo trợ cho các sản phẩm nông nghiệp, nên ở các nước này sản phẩm nông nghiệp thường có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường quốc tế.

Các nước phát triển thường có giá trị xuất, nhập khẩu cao, chiếm hơn 60% giá trị xuất nhập khẩu toàn thế giới. Các mặt hàng chế tạo chiếm tỉ trọng cao trong tổng kim ngạch xuất khẩu.

Các nước phát triển có dân số ổn định, tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên thấp (khoảng 0 - 0,6%). Chất lượng cuộc sống của dân cư cao, các chỉ tiêu về y tế, giáo dục và mức sống khác đều cao.

Hệ thống đảm bảo xã hội phát triển ở mức cao, đô thị hoá phát triển mạnh đi cùng công nghiệp hoá, tỉ lệ dân thành thị chiếm trên 70%.

Tuy nhiên, ở các nước phát triển vẫn còn một bộ phận dân cư sống trong nghèo khổ, khoảng cách giàu nghèo còn lớn, tỉ lệ thất nghiệp còn ở mức cao (năm 2003 là 7,1%, năm 2004 là 6,9%).

Do có những nguồn lực phát triển kinh tế thuận lợi và có quá trình công nghiệp hoá lâu đời, nên các nước phát triển thường có mức tăng trưởng kinh tế không cao, nhưng khá ổn định và thường có mức lạm phát thấp.

Các nước phát triển có nguồn vốn đầu tư ra nước ngoài (FDI) cao và cũng nhận được FDI cao (hiện nay, đầu tư ra nước ngoài khoảng 80% nguồn FDI của thế giới và nhận khoảng 2/3 số FDI của thế giới).

MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NƯỚC ĐANG PHÁT TRIỂN

Các nước đang phát triển, phần lớn nằm ở khu vực châu Á, châu Phi và Mĩ La tinh. Các nước đang phát triển chiếm khoảng 80% dân số, 2/3 nguồn tài nguyên, nhưng chỉ chiếm hơn 15% GDP của thế giới. Hầu hết các nước này trước kia là thuộc địa hoặc phụ thuộc, từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay mới giành được độc lập.

Các nước đang phát triển có trình độ sản xuất và công nghệ thấp, các ngành thuộc khu vực I và khu vực II vẫn chiếm khoảng 1/2 giá trị GDP, tỉ lệ lao động trong khu vực I của nhiều quốc gia chiếm trên 50%.

Nông nghiệp là ngành kinh tế chính của nhiều nước, nhưng quy mô ruộng đất nhỏ, thiếu vật tư kỹ thuật, trình độ sản xuất lạc hậu, sản lượng, năng suất lao động thấp, sản xuất còn lệ thuộc nhiều vào tự nhiên. Một số nước đã áp dụng kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến, nhưng chủ yếu trong khu vực trồng cây công nghiệp xuất khẩu. Do chú trọng phát triển các sản phẩm xuất khẩu, nên nhiều nước bị thiếu lương thực, thực phẩm cung cấp cho nhu cầu trong nước. Trong sản xuất nông nghiệp, trồng trọt là ngành chính, chiếm trên 70% giá trị sản phẩm nông nghiệp. Bình quân lương thực đầu người thấp, khoảng trên dưới 400kg/người/năm.

Tuy đã cố gắng thực hiện công nghiệp hoá, nhưng nhìn chung ngành công nghiệp còn nhiều hạn chế, cơ cấu chưa hợp lý, hiệu quả còn thấp, công nghệ chậm đổi mới, khả năng cạnh tranh của các sản phẩm chế biến trên thị trường quốc tế còn yếu.

Nhiều nước vẫn chỉ có các ngành công nghiệp khai khoáng, chế biến thực phẩm, dệt may, sản xuất hàng tiêu dùng, lắp ráp và cơ khí sửa chữa. Những năm gần đây, do quá trình toàn cầu hoá, nhiều nước thực hiện cải tổ kinh tế, thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp nhẹ, xuất khẩu hàng hoá.

Cơ sở hạ tầng và phương tiện vận tải ở nhiều nước còn kém, chất lượng thấp, lạc hậu, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế – xã hội.

Trong những thập niên gần đây, hầu hết các nước đang phát triển thực hiện cải cách nền kinh tế hướng vào xuất khẩu, thu hút đầu tư, tăng cường kinh tế thị trường, nên mức tăng trưởng đạt được khá cao. Tuy nhiên, do dân số đông, gia tăng nhanh, phải chi tiêu nhiều cho dịch vụ để đảm bảo đời sống, các dự án đầu tư có hiệu quả thấp, hoạt động ngân hàng, tài chính còn nhiều yếu kém, không kiểm soát được tình trạng tham nhũng, tỉ lệ lạm phát cao.

Mức tăng trưởng giá trị xuất, nhập khẩu và dịch vụ khá cao. Tuy nhiên, do sự phát triển của các ngành kinh tế còn nhiều hạn chế, hiệu quả xuất, nhập khẩu còn thấp, thị phần nhỏ. Trong cơ cấu xuất khẩu, các mặt hàng khoáng sản và sơ chế chiếm tỉ lệ cao, nên hiệu quả xuất khẩu còn thấp. Dự trữ ngoại tệ của các nước đang phát triển thấp, nợ nước ngoài nhiều.

Kết cấu hạ tầng còn kém, trình độ khoa học công nghệ hạn chế, hệ thống luật pháp chưa hoàn thiện, điều kiện đảm bảo cho nền kinh tế yếu đã hạn chế khả năng thu hút đầu tư.

Các nước đang phát triển có mức gia tăng dân số tự nhiên cao, khoảng 2%, đã dẫn đến bùng nổ dân số. Dân số tăng nhanh trong điều kiện kinh tế có xuất phát điểm thấp và còn nhiều hạn chế đã gây ra hậu quả tiêu cực cho tài nguyên môi trường, kìm hãm sự phát triển kinh tế và thiếu các điều kiện sống cơ bản, thu nhập quốc dân đầu người thấp. Hơn 50% trong tổng số hơn 5 tỉ người ở các nước đang phát triển không được sử dụng nước sạch, đặc biệt dân cư ở các nước châu Phi và Mĩ La tinh.

Trình độ giáo dục, điều kiện chăm sóc y tế ở nhiều nước còn thấp, tỉ lệ mù chữ còn cao, tuổi thọ trung bình thấp, tỉ lệ tử vong ở trẻ em khá cao. Quá trình đô thị hoá diễn ra chậm, tỉ lệ dân sống ở nông thôn còn trên 75%. Một số nước có quá trình đô thị hoá tự phát nhanh, không đi cùng với công nghiệp hoá, gây nhiều hậu quả xấu về môi trường, xã hội và kinh tế.

Do có sự khác nhau về nguồn lực phát triển, đặc biệt là đường lối chiến lược phát triển kinh tế – xã hội, nên các nước đang phát triển có sự phân hoá thành những nhóm nước có trình độ phát triển kinh tế khác nhau như : các nước công nghiệp mới (NICs), các nước có trình độ phát triển trung bình (DCs), các nước chậm phát triển (LDCs).

Các nước công nghiệp mới ở Mĩ La tinh thực hiện quá trình công nghiệp hoá từ cuối thế kỉ XIX, nhưng phải đến những thập niên 60 của thế kỉ XX mới đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, nhưng sau đó do các chính sách phát triển còn nhiều hạn chế nên tốc độ tăng trưởng kinh tế giảm sút, nợ nước ngoài gia tăng.

Các nước NICs châu Á thực hiện quá trình công nghiệp hoá từ thập niên 60 (Ma-lai-xi-a từ thập niên 80) ; do có các chính sách phát triển phù hợp, năng động, phát huy được lợi thế các nguồn lực nên từ thập niên 70 có tốc độ tăng trưởng cao và đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về kinh tế và xã hội.

Từ thập niên 80, một số nước như Thái Lan, Trung Quốc, Ấn Độ đã thực hiện cải cách kinh tế, tăng cường tư nhân hoá, tự do hoá, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, tăng cường công nghiệp hoá và hoạt động ngoại thương nên cũng đạt được mức độ tăng trưởng kinh tế cao.

Nhóm các nước có trình độ phát triển trung bình chiếm đa số ở Mĩ La tinh, Đông Nam Á, Nam Á, Trung Đông và Bắc Phi. Nền kinh tế chủ yếu vẫn dựa vào sản xuất nông nghiệp, khai thác tài nguyên và chế biến nông sản xuất khẩu.

Trong đó có một số nước nhờ vào khai thác và xuất khẩu dầu mỏ nên có mức thu nhập bình quân đầu người khá cao (trên 15 000 USD) như ở Cô-oet, Ca-ta, Li-bi, Tri-ni-đa và Tô-ba-gô,...

Nhóm các nước chậm phát triển có nền kinh tế còn yếu kém, GDP bình quân đầu người dưới 1 USD/ngày. Chất lượng cuộc sống của dân cư còn thấp, ở nhiều nước cư dân còn đói, thiếu lương thực, thường xuyên bị dịch bệnh và tỉ lệ mù chữ còn cao.